

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 1513/DVKT - VP

Về việc công bố Báo cáo tài chính  
hợp nhất bán niên 2015 đã soát xét

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 08.3910 2828 Fax: 08.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2015 đã soát xét của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để b/c);
- Website: [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn);
- Lưu VT, TK. HĐQT.

**TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Đức Thủy

# Deloitte

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

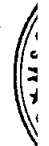
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 53



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

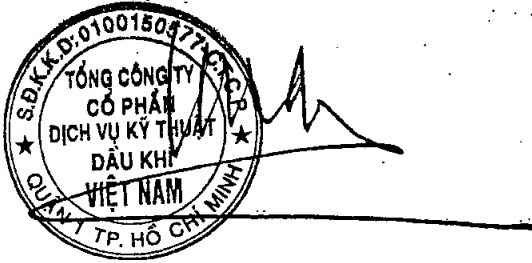
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phan Thanh Tùng**  
Tổng Giám đốc

*Cay*  
Ngày 19 tháng 8 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *Vero*

Số. 111 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) được lập ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”), từ trang 4 đến trang 53. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phó Tổng Giám đốc  
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 19 tháng 8 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh  
Kiểm toán viên  
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1867-2013-001-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>17.237.604.955.041</b>	<b>16.686.639.406.140</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>8.734.779.536.288</b>	<b>8.194.248.685.277</b>
1. Tiền	111		4.890.609.451.448	4.271.825.574.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.844.170.084.840	3.922.423.110.330
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>4.110.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4.110.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.569.488.861.272</b>	<b>7.656.447.437.053</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.572.922.985.011	5.646.895.381.826
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		166.589.054.450	199.453.519.993
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	27.976.168.584	36.515.902.584
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.864.876.403.050	1.814.861.019.167
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(62.875.749.823)	(41.278.386.517)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>562.653.012.548</b>	<b>560.294.608.304</b>
1. Hàng tồn kho	141		567.311.273.368	564.952.869.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.658.260.820)	(4.658.260.820)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>370.683.544.933</b>	<b>271.538.675.506</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	81.918.135.595	46.904.669.115
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		249.183.176.554	174.003.277.948
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		39.582.232.784	50.630.728.443
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>10.112.996.243.248</b>	<b>9.751.801.447.114</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>62.459.070.696</b>	<b>61.517.311.592</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		9.343.872.720	9.147.069.540
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	27.976.169.676	27.386.928.007
3. Phải thu dài hạn khác	216	7	25.139.028.300	24.983.314.045
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.372.718.499.791</b>	<b>4.626.823.815.306</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.350.958.482.689	4.601.222.404.035
- Nguyên giá	222		10.891.075.433.421	10.674.309.633.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.540.116.950.732)	(6.073.087.229.084)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	21.760.017.102	25.601.411.271
- Nguyên giá	228		61.425.471.245	58.824.135.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.665.454.143)	(33.222.724.174)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>766.552.266.960</b>	<b>429.563.309.799</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		342.933.797.742	338.243.865.136
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		423.618.469.218	91.319.444.663
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.261.468.606.868</b>	<b>3.981.739.820.822</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	4.197.207.634.327	3.886.533.596.834
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	110.656.533.710	133.783.043.710
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(46.395.561.169)	(38.576.819.722)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>649.797.798.933</b>	<b>652.157.189.595</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	649.742.746.266	652.105.153.551
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		55.052.667	52.036.044
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>27.350.601.198.289</b>	<b>26.438.440.853.254</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 53 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

*Handwritten signature/initials*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01a-DN/HN


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>16.514.520.550.342</b>	<b>15.650.967.735.873</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.878.772.621.407</b>	<b>11.372.247.087.975</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	4.709.042.867.002	5.118.264.822.271
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		802.530.802.986	1.060.268.509.195
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	238.582.987.431	352.909.921.821
4. Phải trả người lao động	314		282.015.225.563	424.254.456.352
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.654.378.771.068	2.072.736.772.302
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.982.370.292	14.952.901.201
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.849.000.925.668	1.173.182.888.149
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	716.779.175.368	751.764.086.591
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		222.232.710.442	184.676.638.955
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		379.226.785.587	219.236.091.138
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.635.747.928.935</b>	<b>4.278.720.647.898</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17	132.535.870.219	132.535.870.219
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		1.216.179.430.094	1.029.858.268.584
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		6.356.575.746	2.242.606.885
4. Phải trả dài hạn khác	337	20	646.679.885	636.932.136
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	1.743.584.929.204	1.827.999.608.092
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	177.738.648.408	107.157.361.894
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	1.322.223.358.623	1.148.486.853.990
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		36.482.436.756	29.803.146.098
<b>D. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>10.836.080.647.947</b>	<b>10.787.473.117.381</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>10.836.080.647.947</b>	<b>10.787.473.117.381</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.545.660.000	39.545.660.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.396.068.988.480	1.847.210.152.285
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.557.714.163.145	2.998.016.072.265
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.392.141.667.833	693.750.173.750
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.165.572.495.312	2.304.265.898.515
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	27	1.375.747.626.322	1.435.697.022.831
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>27.350.601.198.289</b>	<b>26.438.440.853.254</b>

  
 Nguyễn Quang Chánh  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Xuân Cường  
 Kế toán trưởng



  
 Phan Thanh Tùng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 19 tháng 8 năm 2015  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 53 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**


Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

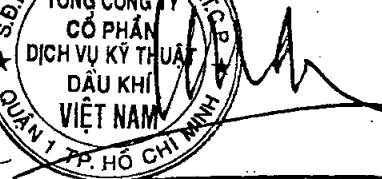

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 02a-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	12.505.657.066.166	13.397.169.465.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	12.505.657.066.166	13.397.169.465.422
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	11.373.086.249.480	12.209.415.051.547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.132.570.816.686	1.187.754.413.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	135.118.955.644	101.338.272.340
7. Chi phí tài chính	22	33	119.418.693.499	93.123.655.636
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.719.009.815	52.598.834.493
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	34	349.130.087.493	217.497.635.733
9. Chi phí bán hàng	25	35	42.025.608.539	48.375.356.676
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	325.897.377.783	298.720.366.867
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		1.129.478.180.002	1.066.370.942.769
12. Thu nhập khác	31	36	17.105.629.598	71.851.808.351
13. Chi phí khác	32	37	12.415.008.787	8.060.643.244
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.690.620.811	63.791.165.107
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.134.168.800.813	1.130.162.107.876
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	180.991.537.739	190.965.807.259
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	23	70.581.286.514	55.341.727.970
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		882.595.976.560	883.854.572.647
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		878.429.144.154	799.609.360.309
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	27	4.166.832.406	84.245.212.338
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	1.724	1.514

  
 Nguyễn Quang Chánh  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Xuân Cường  
 Kế toán trưởng

  
 Phan Thanh Tùng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 19 tháng 8 năm 2015  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam 



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 53 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 03a-DN/HN**

Đơn vị: VND

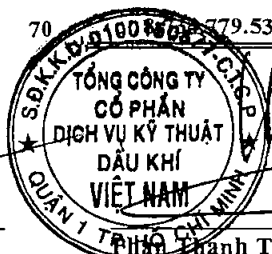
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
		đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.134.168.800.813	1.130.162.107.876
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	484.515.972.564	486.297.779.174
Các khoản dự phòng	03	29.416.104.753	6.992.334.330
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.136.384.664	14.133.097.318
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(71.802.282.122)	(296.979.827.433)
Chi phí lãi vay	06	36.719.009.815	52.598.834.493
Các khoản điều chỉnh khác	07	6.679.290.658	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động.	08	1.622.833.281.145	1.393.204.325.758
Thay đổi các khoản phải thu	09	67.307.085.438	(666.206.793.936)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(7.051.353.473)	(30.066.051.035)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(204.844.705.584)	2.140.796.817.210
Thay đổi chi phí trả trước	12	(32.651.059.194)	(101.349.066.868)
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.363.458.913)	(62.857.231.663)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(227.633.421.999)	(304.259.208.503)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	22.757.268.443	11.037.398.914
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(82.731.673.001)	(92.515.457.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.115.621.962.862	2.287.784.732.839
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(505.427.128.899)	(165.149.033.985)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	454.636.364	9.606.408.818
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(18.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.303.023.651	8.982.092.221
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(25.577.150.000)	(14.971.200.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.355.146.953	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.526.901.533	67.517.141.979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(435.364.570.398)	(112.214.590.967)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	260.625.276.000	5.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(419.721.945.589)	(443.680.445.643)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(24.884.884.199)	(36.422.569.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(183.981.553.788)	(475.103.014.643)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	496.275.838.676	1.700.467.127.229
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8.194.248.685.277	5.856.522.432.948
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	44.255.012.335	17.288.811.505
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	13.935.336.288	7.574.278.371.682

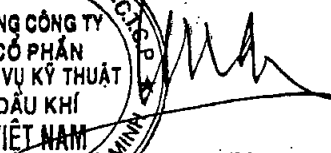


Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



  
Thành Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09a - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") là cổ đông chính và là công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 9.317 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 9.004 người).

#### Hoạt động chính

Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; sửa chữa các công trình dầu khí biển; các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, cần.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng công ty có 11 công ty con và 07 chi nhánh trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Quảng Bình
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
- Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam



105  
G T  
AN  
THU  
HI  
IM  
CHI

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

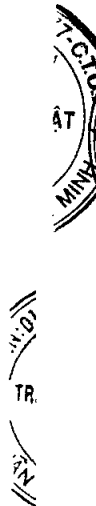
**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày góp vốn vào công ty liên doanh.

12  
11  
ĐN  
HH  
LC  
T  
TP.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

D. O  
TỔ  
C  
CH  
D  
VI  
17

11/01/2015

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

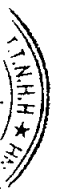
	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản khác	4 - 14

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các loại phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.



100  
G  
O  
P  
U  
I  
A  
U  
T  
P  
H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí thiết bị sửa chữa, giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn theo Thông tư số 45 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê văn phòng trả trước liên quan đến việc thuê văn phòng Tổng công ty tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn với thời hạn 50 năm bắt đầu từ tháng 10 năm 2010. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty với thời hạn từ một năm trở lên, và tài sản cố định không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

**Tổng công ty là bên cho thuê**

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Tổng công ty là bên đi thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

180  
ÔNG  
HÀN  
Y TH  
KHÍ  
NAM  
Ô C

TR  
HÀN



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Tổng công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

5/7/15  
TY  
UAT  
HI MI  
12  
11  
01  
NH  
L  
1/11/15  
11



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (i)	598.496.712.387	-	587.655.082.100	-
Tổ hợp nhà thầu JGCS (ii)	353.028.562.304	-	99.000.802.393	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (iii)	230.819.875.570	-	230.819.875.570	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (iv)	124.740.417.492	-	124.740.417.492	-
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (v)	80.929.179.331	-	89.385.784.972	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	69.214.480.815	-	60.908.377.685	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (vi)	68.315.000.000	-	1.000.584.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) (vii)	40.878.529.508	-	16.850.156.471	-
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí - PVEP Sông Hồng (viii)	32.966.733.724	-	-	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (viii)	30.685.507.650	-	2.322.297.651	-
Mitra Energy (Vietnam Phu Khanh) Pte. Ltd	22.932.000.000	-	-	-
Vietnam Offshore Floating Terminal (L) Limited	22.869.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò khai thác Dầu khí Trong nước (vii)	16.807.252.000	-	1.730.764.700	-
Japan Vietnam Petroleum Corporation (JVPC)	12.633.358.582	-	5.013.338.694	-
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd (ix)	12.222.294.781	-	11.691.853.169	-
Văn phòng điều hành Công ty TNHH Thăm dò & Khai thác Dầu khí Exxonmobil Việt nam tại Hà Nội	11.281.115.721	-	-	-
PVEP Overseas Exploration Production Operating Co., Ltd (vii)	9.223.591.072	-	9.223.591.072	-
Thuế GTGT nhà thầu nước ngoài chưa đủ điều kiện được khấu trừ	9.064.711.490	-	5.784.454.294	-
Phải thu thuế nộp hộ khách hàng	5.285.598.932	-	17.304.895.757	-
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	5.236.111.531	-	8.456.605.641	-
Đặt cọc	1.157.919.484	-	2.814.329.630	-
Ký cược, ký quỹ	13.011.036.450	-	33.056.417.477	-
Talisman Malaysia Limited	-	-	56.924.499.844	-
Văn phòng điều hành tại TP.HCM - Pearl Oil (Tephrite) Limited	-	-	171.155.857.061	-
Ban Quản lý dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	-	52.345.374.030	-
Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd	-	-	28.743.632.143	-
Văn phòng điều hành Murphy Nha Trang Oil Co., Ltd	-	-	10.298.289.965	-
Văn phòng điều hành Công ty TNHH Origin Energy (Song Hong) - Lô 121	-	-	9.540.977.852	-
TL Offshore Sdn Bhd	-	-	9.990.954.859	-
Phải thu khác	93.077.414.226	-	168.101.804.645	-
	<b>1.864.876.403.050</b>	-	<b>1.814.861.019.167</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển công nghệ Điện tử Viễn thông (x)	11.516.550.273	-	11.516.550.273	-
Ký cược, ký quỹ	5.216.439.841	-	5.146.882.778	-
Phải thu khác	8.406.038.186	-	8.319.880.994	-
	<b>25.139.028.300</b>	-	<b>24.983.314.045</b>	-

*MAK*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (i) Khoản phải thu ngắn hạn từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành từ mốc số 9 đến mốc số 16 của hạng mục san lấp mặt bằng và doanh thu phí quản lý.
- (ii) Khoản phải thu ngắn hạn Tổ hợp nhà thầu JGCS là khoản phải thu trích trước doanh thu dịch vụ thực hiện các gói thầu UGPX, Tank 04, SFF2 thuộc dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- (iii) Phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Tổng công ty nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của PVN và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Tổng công ty. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho PVN sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (iv) Phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất là khoản phải thu về việc chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (trước đây là Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC). Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (v) Phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd là chủ yếu khoản tiền đầu mua hộ PTSC Asia Pacific từ Lam Son POC để chạy thử hệ thống máy phát điện.
- (vi) Khoản phải thu ngắn hạn Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited là khoản phải thu về cổ tức được chia của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo thông báo của Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited.
- (vii) Phải thu ngắn hạn khác từ Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty TNHH Một Thành Viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước, PVEP Overseas Exploration Production Operating Co., Ltd, là những khoản trích trước doanh thu của dịch vụ khảo sát địa chấn 2D/3D đã thực hiện trong quý 2 năm 2015.
- (viii) Khoản phải thu ngắn hạn Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông và Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí -PVEP Sông Hồng là các khoản phải thu từ doanh thu trích trước cho dự án khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV đã thực hiện trong quý 2 năm 2015.
- (ix) Khoản phải thu ngắn hạn từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd.
- (x) Phải thu dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện tử Viễn Thông là khoản phải thu mà Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC Quảng Ngãi) đã chi hộ liên quan đến dự án Bio Ethanol từ năm 2011.

010  
ÔNG  
CỔ  
H VU  
DẦU  
VIỆT  
TP. H  
71

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.404.776.561	-	3.034.660.599	-
Nguyên liệu, vật liệu	136.773.550.075	(4.658.260.820)	147.919.120.379	(4.658.260.820)
Công cụ, dụng cụ	63.359.955.375	-	16.863.138.359	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	362.003.791.330	-	391.331.370.804	-
Hàng hóa	3.769.200.027	-	5.804.578.983	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
	<b>567.311.273.368</b>	<b>(4.658.260.820)</b>	<b>564.952.869.124</b>	<b>(4.658.260.820)</b>

(\*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án Khí Thấp áp PTSC-PVGas	65.330.925.738	65.330.925.738	-	-
Dự án Sư Tử Trắng Full Field	40.054.808.758	40.054.808.758	-	-
Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói B2 (Cầu Càng)	61.930.327.744	61.930.327.744	196.457.882	196.457.882
Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói SMP9	39.661.626.196	39.661.626.196	11.136.658.756	11.136.658.756
Dự án Ruby A Gaslift	10.744.625.541	10.744.625.541	10.744.625.541	10.744.625.541
Dự án Thái Bình Hàm Rồng	40.502.011.390	40.502.011.390	126.288.439.590	126.288.439.590
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	-	-	209.988.731	209.988.731
Dự án MLS - Maharaja Lela South	-	-	142.262.779.762	142.262.779.762
Dịch vụ sửa chữa thay thế xích neo cho Mô Đại Hùng	-	-	13.317.849.342	13.317.849.342
Dự án nạo vét Cảng Nghi Sơn	-	-	15.984.472.469	15.984.472.469
Khác	103.779.465.963	103.779.465.963	71.190.098.731	71.190.098.731
	<b>362.003.791.330</b>	<b>362.003.791.330</b>	<b>391.331.370.804</b>	<b>391.331.370.804</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.658.260.820 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.658.260.820 đồng).

3150  
TỔNG  
CÔNG  
TY CỔ  
PHẦN  
DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT  
DẦU KHÍ  
VIỆT NAM

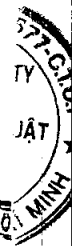
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về tiền thuê tàu trần	17.246.849.284	-
Chi phí trả trước về tiền thuê Khách sạn	7.419.000.002	-
Chi phí thiết bị tàu Bình Minh 02 và GGV Amadues	18.308.588.629	10.853.590.063
Chi phí bảo hiểm tàu FPSO Ruby II	5.771.457.541	4.523.678.761
Chi phí thuê đất tại Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1	4.211.148.474	-
Chi phí di chuyển tàu	11.761.200.000	14.929.137.921
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	4.964.842.597	-
Chi phí sửa chữa tàu PTSC	-	2.114.225.372
Chi phí trả trước khác	12.235.049.068	14.484.036.998
	<b>81.918.135.595</b>	<b>46.904.669.115</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn (i)	311.143.161.031	313.390.953.975
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ (ii)	122.689.337.669	124.616.395.331
Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02 (iii)	108.035.081.106	123.310.141.986
Chi phí sửa chữa tàu PTSC Researcher 106	11.899.512.420	13.882.764.492
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng làm việc	1.863.843.887	-
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng khác chờ phân bổ	46.275.207.366	-
Chi phí pre operation dự án FPSO Lam Son	33.819.631.819	42.536.101.769
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.881.539.624	642.441.361
Chi phí sửa chữa tàu Bình Minh 02	-	6.436.940.821
Chi phí trang thiết bị, dụng cụ nội thất văn phòng mới	-	7.087.084.058
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	7.135.431.344	20.202.329.759
	<b>649.742.746.266</b>	<b>652.105.153.552</b>

- (i) Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.
- (ii) Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m2 đất tại Khu kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu Công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- (iii) Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadues, Bình Minh 02 thể hiện các khoản chi phí sửa chữa, bảo trì các thiết bị trên tàu Amadues và Bình Minh 02. Chi phí thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Khoản thu về cho vay dài hạn thể hiện khoản cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng số 235-2006/PTSC-TCKT/MDV ngày 22 tháng 11 năm 2006 với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV Pte, Ltd., và không có bảo đảm. Mục đích của khoản cho vay này nhằm cung cấp vốn đóng mới tàu “Rông Đồi MV12” (FSO).

Chi tiết khoản phải thu về cho vay được trình bày như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	USD	VND	USD	VND
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	1.280.960	27.976.168.584	1.707.947	36.515.902.584
	<u>1.280.960</u>	<u>27.976.168.584</u>	<u>1.707.947</u>	<u>36.515.902.584</u>
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	1.280.960	27.976.169.676	1.280.960	27.386.928.007
	<u>1.280.960</u>	<u>27.976.169.676</u>	<u>1.280.960</u>	<u>27.386.928.007</u>
	<u>2.561.920</u>	<u>55.952.338.260</u>	<u>2.988.907</u>	<u>63.902.830.591</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09a - DN/HN

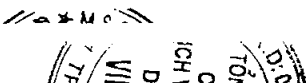
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	3.022.134.219.158	1.437.721.867.883	6.100.884.724.229	108.773.059.516	4.795.762.333	10.674.309.633.119
Mua sắm trong kỳ	171.435.891	108.094.278.005	74.756.980.459	9.863.086.718	336.300.000	193.222.081.073
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	30.276.559.047	2.933.656.039	-	-	-	33.210.215.086
Tặng khác	-	1.004.872.464	4.569.881.776	152.260.000	-	5.727.014.240
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.558.237.530)	(1.967.497.163)	(200.907.602)	-	(3.726.642.295)
Giảm khác	(11.666.867.802)	-	-	-	-	(11.666.867.802)
Tại ngày 30/6/2015	<u>3.040.915.346.294</u>	<u>1.548.196.436.861</u>	<u>6.178.244.089.301</u>	<u>118.587.498.632</u>	<u>5.132.062.333</u>	<u>10.891.075.433.421</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	1.514.072.476.794	726.352.188.261	3.753.051.784.162	77.938.794.859	1.671.985.008	6.073.087.229.084
Trích khấu hao trong kỳ	85.723.811.122	94.920.008.200	286.837.840.775	10.130.907.126	460.675.372	478.073.242.595
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.558.237.530)	(1.967.497.163)	(200.907.602)	-	(3.726.642.295)
Giảm khác	(3.243.308.292)	(914.638.592)	(3.158.931.768)	-	-	(7.316.878.652)
Tại ngày 30/6/2015	<u>1.596.552.979.624</u>	<u>818.799.320.339</u>	<u>4.034.763.196.006</u>	<u>87.868.794.383</u>	<u>2.132.660.380</u>	<u>6.540.116.950.732</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2015	<u>1.444.362.366.670</u>	<u>729.397.116.522</u>	<u>2.143.480.893.295</u>	<u>30.718.704.249</u>	<u>2.999.401.953</u>	<u>4.350.958.482.689</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.508.061.742.364</u>	<u>711.369.679.622</u>	<u>2.347.832.940.067</u>	<u>30.834.264.657</u>	<u>3.123.777.325</u>	<u>4.601.222.404.035</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 4.136.693 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.118.965 triệu đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.610.066 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.066.522 triệu đồng).





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	1.310.220.000	57.481.915.445	32.000.000	58.824.135.445
Mua trong kỳ	-	2.601.335.800	-	2.601.335.800
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>1.310.220.000</b>	<b>60.083.251.245</b>	<b>32.000.000</b>	<b>61.425.471.245</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	-	33.196.654.095	26.070.079	33.222.724.174
Khấu hao trong kỳ	-	6.440.810.833	1.919.136	6.442.729.969
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>-</b>	<b>39.637.464.928</b>	<b>27.989.215</b>	<b>39.665.454.143</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2015	<u>1.310.220.000</u>	<u>20.445.786.317</u>	<u>4.010.785</u>	<u>21.760.017.102</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.310.220.000</u>	<u>24.285.261.350</u>	<u>5.929.921</u>	<u>25.601.411.271</u>

1007  
 G CÓN  
 O PHA  
 U KY  
 U KH  
 T NA  
 Á HỒ  
 E  
 /  
 /

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

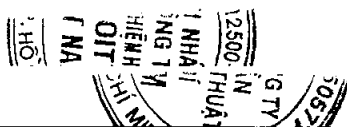
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU B 09a - DN/HN****13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	278.863.525.015	278.863.525.015	274.173.592.409	274.173.592.409
Dự án Bio Ethanol	64.070.272.727	64.070.272.727	64.070.272.727	64.070.272.727
	<b>342.933.797.742</b>	<b>342.933.797.742</b>	<b>338.243.865.136</b>	<b>338.243.865.136</b>

**b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tàu PTSC Tiên Phong	309.645.200.000	-
Cầu Hitachi 150 tấn	20.870.256.000	-
Cải tạo Nhà hàng tầng 1 Khách sạn Dầu khí	13.034.307.812	-
PTSC Tower Vũng Tàu	8.620.653.020	8.620.653.020
Phần mềm Quản lý nhân sự tiền lương	972.000.000	-
Cầu tháp 16 tấn số 03	4.039.334.818	4.039.334.818
Văn phòng làm việc PTSC Hà Nội	2.898.637.747	2.784.490.476
Đầu tư xây dựng mở rộng cầu Cảng Đình Vũ	3.502.147.276	3.444.071.479
Cải tạo xử lý nước thải KSDK Vũng Tàu	1.351.124.531	1.047.770.000
Đầu tư Bến số 2- Cảng Tổng Hợp Dung Quất	49.793.402.682	51.440.892.500
Hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung	1.062.163.581	15.746.865.753
Dự án nâng cấp cầu Cảng PTSC Thanh Hóa	-	2.105.470.000
Nâng cấp cầu cảng, nhà kho tại Cảng Hòn La	5.331.997.684	505.871.968
Đầu tư Cảng tại Myanmar	814.258.000	-
Máy chủ hệ thống quản lý văn bản tài liệu	415.450.000	415.450.000
Xây dựng cơ bản dở dang khác	1.267.536.067	1.168.574.649
	<b>423.618.469.218</b>	<b>91.319.444.663</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

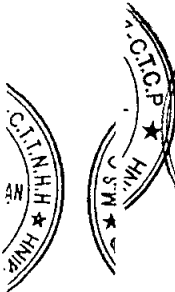
**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (i)	Việt Nam	51,00	66,85	Dịch vụ dầu khí

- (i) Theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 ngày 08 tháng 4 năm 2014, tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security) là 51%, tương đương 15.30 tỷ đồng. Trong năm, các cổ đông khác của PV Security góp thêm 1 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ vốn thực góp của Tổng công ty giảm từ 69,91% xuống còn 66,85% và tỷ lệ sở hữu của các cổ đông không kiểm soát tăng lên từ 30,09% đến 33,15%.

Vốn góp của các bên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 22.885.800.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.885.800.000 đồng).





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (iv) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Tổng công ty là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO "PTSC Biển Đông 01". PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011 và đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.
- (v) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC AP") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,9% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Tổng công ty góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.
- (vi) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà là Công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Tổng công ty, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và một cá nhân khác theo Giấy Đăng ký kinh doanh số 0401539487 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Công ty có vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty là 124.875.000.000 đồng, tương đương 49,95% vốn điều lệ của Công ty.
- (vii) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (gọi tắt là "Cảng Thị Vải") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo quy định về cách tính tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ đối với các khoản đầu tư của công ty con, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Căn cứ vào nguyên tắc xác định quyền kiểm soát, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ trong công ty con của Thông tư số 202/2014/TT-BTC, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định.

PH. D  
TỔNG  
C  
H V  
D  
VI  
TP.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	30/6/2015			31/12/2014		
	Giá gốc <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>	Giá trị hợp lý <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>	Giá trị hợp lý <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (*)	-	-	-	23.126.510.000	(15.032.231.500)	8.094.278.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (*)	10.329.990.000	(10.329.990.000)	-	10.329.990.000	(10.329.990.000)	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (*)	10.000.000.000	(5.600.000.000)	4.400.000.000	10.000.000.000	(6.600.000.000)	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (*)	2.815.343.710	(2.815.343.710)	-	2.815.343.710	(2.815.343.710)	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức	47.011.200.000	(23.011.200.000)	24.000.000.000	47.011.200.000	-	47.011.200.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	(473.449.632)	2.526.550.368	3.000.000.000	(485.276.668)	2.514.723.332
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	37.500.000.000	(4.165.577.827)	33.334.422.173	37.500.000.000	(3.313.977.844)	34.186.022.156
	<b>110.656.533.710</b>	<b>(46.395.561.169)</b>	<b>64.260.972.541</b>	<b>133.783.043.710</b>	<b>(38.576.819.722)</b>	<b>95.206.223.988</b>

(\*) Theo nghị quyết số 136/NQ-DVKT-HDQT ngày 04 tháng 02 năm 2015, Tổng công ty đã phê duyệt phương án thoái vốn tại 4 công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện thoái vốn hoàn toàn tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam cho các cổ đông bên ngoài theo hình thức bán cổ phiếu trên sàn HNX. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này theo các quy định hiện hành.

Chi tiết biến động trong kỳ của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014	36.021.866.132
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	2.554.953.590
Tại ngày 31/12/2014	38.576.819.722
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	23.862.799.983
Hoàn nhập dự phòng	(1.322.032.136)
Bù đắp giá trị khoản đầu tư đã thoái vốn	(14.722.026.400)
Tại ngày 30/6/2015	<b>46.395.561.169</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	483.012.424.877	483.012.424.877	343.917.686.258	343.917.686.258
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd	559.348.715.635	559.348.715.635	611.860.108.986	611.860.108.986
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	66.267.935.110	66.267.935.110	132.535.870.220	132.535.870.220
Phải trả khác	3.600.413.791.380	3.600.413.791.380	4.029.951.156.807	4.029.951.156.807
	<u>4.709.042.867.002</u>	<u>4.709.042.867.002</u>	<u>5.118.264.822.271</u>	<u>5.118.264.822.271</u>
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (i)	132.535.870.219	132.535.870.219	132.535.870.219	132.535.870.219

- (i) Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí. Khoản nợ này được thanh toán đều trong vòng 8 năm với số tiền 66.267.935.110 đồng/năm, kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2011 và kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	32.000.218.974	69.099.721.128
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.268.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	95.803.281.458	153.537.065.312
Thuế thu nhập cá nhân	19.482.926.177	22.023.558.796
Các loại thuế khác	91.296.560.822	108.232.308.411
	<u>238.582.987.431</u>	<u>352.909.921.821</u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	69.099.721.128	262.881.915.796	299.981.417.951	32.000.218.973
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	115.669.460.347	115.669.460.347	-
Thuế xuất, nhập khẩu	17.268.174	17.528.621.691	17.545.889.865	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	102.906.336.870	180.991.537.738	227.633.421.999	56.264.452.609
Thuế thu nhập cá nhân	22.023.558.795	77.047.496.414	79.631.532.966	19.439.522.243
Thuế tài nguyên	-	124.336.268	124.336.268	-
Thuế nhà đất	25.463.787	2.280.589.759	2.306.053.546	-
Thuế môn bài	-	42.000.000	42.000.000	-
Các loại thuế khác	108.206.844.624	321.275.586.020	339.434.951.164	90.047.479.480
Các khoản khác	-	1.873.903.342	624.822.000	1.249.081.342
	<u>302.279.193.378</u>	<u>979.715.447.375</u>	<u>1.082.993.886.106</u>	<u>199.000.754.647</u>

**Trong đó**

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	50.630.728.443	39.582.232.784
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	352.909.921.821	238.582.987.431



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Biên Đông	559.566.460.190	542.570.393.646
Dự án Hải Sư Trắng Đen	331.013.242.273	330.407.263.475
Giá vốn dịch vụ thực hiện cho Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	313.340.794.713	130.755.252.186
Dự án Sư Tử Nâu	186.770.349.129	107.596.625.579
Giá vốn dịch vụ cho hợp đồng cung cấp tàu FSO Biên Đông 1 cho Biên Đông POC	130.067.518.118	-
Dự án Maharaja Lela South (MLS)	122.453.566.475	336.111.283.249
Dự án H5 Topsiside	121.339.246.545	-
Chi phí thực hiện dịch vụ tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02	104.268.730.054	103.586.367.328
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm	103.415.567.365	30.510.134.076
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	101.349.781.670	96.572.281.670
Dự án Ghana	109.400.607.222	-
Dự án khối thượng tầng giàn Công nghệ trung tâm Heera (HRD)	87.529.923.343	88.975.832.848
Dự án Sư Tử Vàng 6X	50.135.454.393	-
Dự án Sư Tử Trắng Fullfill	44.373.633.134	-
Trích trước quỹ lương	35.103.642.116	-
Giá vốn Dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn	29.211.738.570	37.146.692.300
Dự án Thăng Long - Đông Đô	27.728.599.736	27.728.599.736
Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói B2 (Cầu Cảng)	23.395.069.502	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp thuê từ Intermoor	15.139.204.644	-
Chi phí thuê bãi tại Khu công nghiệp tàu thủy Nghi Sơn	8.000.000.000	5.000.000.000
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	9.847.388.685	15.479.172.332
Trích chi phí dự án Thái Bình Hàm Rồng	8.771.099.938	42.922.266.838
Dự án Sư Tử Trắng	8.628.873.927	8.572.399.818
Chi phí hoạt động tàu FPSO Ruby II	6.235.136.938	2.886.158.514
Trích trước chi phí dự án chế tạo Spool cho khách hàng TLO	6.229.869.180	-
Trích trước chi phí hoạt động tàu FPSO Lam Sơn	5.739.499.578	9.828.882.901
Trích trước chi phí mua khí công nghiệp	5.031.135.383	-
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	4.970.095.134	13.253.587.022
Chi phí marketing	-	6.604.699.124
Dự án Booster Compressor	-	2.477.411.076
Trích giá vốn liên quan đến cung cấp dịch vụ cho Talisman	-	41.444.878.536
Trích trước chi phí sửa chữa lớn Sà lan PTSC 01 và POS 01	-	32.557.029.441
Trích trước dự án Huc Zawtica & Cow	-	-
Trích trước chi phí dự án vận chuyển ống cho TLO	-	12.805.849.919
Dự án Ruby B Gastlift	-	5.909.043.537
Chi phí phải trả khác	95.322.543.113	41.034.667.151
	<u>2.654.378.771.068</u>	<u>2.072.736.772.302</u>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	6.029.766.662	1.011.837.369
Bảo hiểm xã hội	14.600.558.178	345.589.306
Bảo hiểm y tế	725.776.792	82.165.507
Bảo hiểm thất nghiệp	429.015.409	40.707.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	905.708.093	784.636.271
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	566.118.663.373	7.226.542.273
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	391.850.247.456	382.752.004.016
Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy("SBIC") (ii)	388.936.246.394	400.700.531.130
Công ty Điều hành chung Lam Sơn (iii)	83.202.468.286	83.202.468.286
Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy (iv)	71.381.675.650	55.561.395.338
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iv)	74.849.041.678	40.518.408.320
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	69.161.455.895	48.404.069.023
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
Nordic Maritime Pt. Ltd	6.552.000.000	6.414.000.000
Các khoản khác liên quan đến hoạt động SXKD	27.283.213.972	9.637.417.250
OffShore Ltd	7.552.986.709	7.552.986.709
Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Dung Quất	828.428.160	12.284.228.892
Tạm thu thuế TNCN người lao động	10.292.591.516	9.901.812.844
Thuế nhà thầu phải nộp	119.542.054	6.554.086.832
Các khoản phải trả, phải nộp khác	88.842.789.254	60.869.251.606
	<u><u>1.849.000.925.668</u></u>	<u><u>1.173.182.888.149</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	646.679.885	636.932.136
	<u><u>646.679.885</u></u>	<u><u>636.932.136</u></u>

- (i) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Nhơn Trạch 355.559.451.500 đồng và các khoản phải trả khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (ii) Khoản phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy ("SBIC") là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và SBIC là nhà thầu thực hiện.
- (iii) Khoản phải trả cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn ("Lam Sơn POC") là chủ yếu khoản tiền đầu mua hộ PTSC Asia Pacific từ Lam Sơn POC để chạy thử hệ thống máy phát điện.
- (iv) Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xây dựng Đường thủy là khoản phải trả liên quan đến Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn được giữ lại theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	5.463.872.936	5.463.872.936
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	716.779.175.368	716.779.175.368	746.300.213.655	746.300.213.655
	<u>716.779.175.368</u>	<u>716.779.175.368</u>	<u>751.764.086.591</u>	<u>751.764.086.591</u>

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Đồng Việt Nam	474.112.595.784	474.112.595.784	634.763.611.654	634.763.611.654
Đô la Mỹ	1.986.251.508.788	1.986.251.508.788	1.939.536.210.093	1.939.536.210.093
	<u>2.460.364.104.572</u>	<u>2.460.364.104.572</u>	<u>2.574.299.821.747</u>	<u>2.574.299.821.747</u>

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Các khoản vay này có lãi suất vay từ lãi suất từ 4,1%/năm đến 10,6%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Các khoản lãi vay này có lãi suất vay từ 1,633%/năm đến 5,65%/năm.

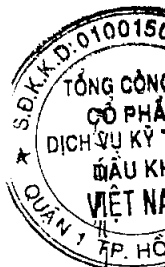
Mục đích các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là đầu tư tài sản dài hạn như cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và góp vốn liên doanh các dự án FSO/FPSO với các đối tác nước ngoài.

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 11 hoặc không có bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tương đương 90.946.406 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 90.717.310 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị VND	Giá trị VND
Trong vòng 1 năm	716.779.175.368	746.300.213.655
Năm thứ 2	1.111.248.229.265	1.209.681.880.620
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	542.108.090.018	585.398.262.499
Trên 5 năm	90.228.609.921	32.919.464.973
	<u>2.460.364.104.572</u>	<u>2.574.299.821.747</u>
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày trong phần vay và nợ tài chính ngắn hạn) (Thuyết minh số 21)	716.779.175.368	746.300.213.655
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>1.743.584.929.204</u>	<u>1.827.999.608.092</u>



*[Handwritten signature]*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa thực hiện <u>VND</u>	Khấu hao TSCĐ <u>VND</u>	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014	57.236.533.788	(5.503.074.514)	1.131.973.847	67.343.951.593	(125.711.303.019)	(5.501.918.305)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(9.829.425.344)	(1.341.159.503)	2.581.415.412	(18.062.394.998)	(75.003.879.156)	(101.655.443.589)
Tại ngày 31/12/2014	47.407.108.444	(6.844.234.017)	3.713.389.259	49.281.556.595	(200.715.182.175)	(107.157.361.894)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(5.675.640.074)	(1.963.657.029)	602.121.914	(9.031.197.499)	(54.512.913.826)	(70.581.286.514)
Tại ngày 30/6/2015	<u>41.731.468.370</u>	<u>(8.807.891.046)</u>	<u>4.315.511.173</u>	<u>40.250.359.096</u>	<u>(255.228.096.001)</u>	<u>(177.738.648.408)</u>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

	30/6/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(264.035.987.047)	(207.559.416.192)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	86.297.338.639	100.402.054.298
	<u>(177.738.648.408)</u>	<u>(107.157.361.894)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV có các khoản lỗ tính thuế lần lượt là 381.418.879.791 đồng và 293.744.417.396 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 588.729.746.322 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng:		
- Dự án Biển Đông	525.047.170.282	525.047.170.282
- Dự án Sư Tử Nâu	305.716.586.414	181.401.290.146
- Dự án Hải Sư Trắng - Đen	155.860.354.444	155.860.354.444
- Dự án Chim Sáo	100.390.150.982	100.390.150.982
- Dự án Sư Tử Vàng 6X	84.525.593.656	44.892.456.093
- Dự án HRD	54.028.471.982	54.028.471.982
- Dự án Sư Tử Đen	36.065.240.767	36.065.240.767
- Dự án Sư Tử Trắng	30.492.733.169	30.492.733.169
- Dự án Thăng Long Đông Đô	20.308.986.125	20.308.986.125
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn theo định kỳ cho tàu FPSO Lam Sơn	9.788.070.802	-
	<b><u>1.322.223.358.623</u></b>	<b><u>1.148.486.853.990</u></b>

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cổ phần	30/6/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Tổng công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng công ty.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2014: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	30/6/2015	31/12/2014		31/12/2014
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Công ty TNHH Vina Capital Corporate Financial Việt Nam	5,53	246.969.700.000	6,12	273.403.700.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)	0,45	20.062.000.000	3,14	140.196.000.000
Nhóm quỹ FTIF- Templeton Frontier Markets	3,57	159.258.580.000	5,79	258.800.740.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39,07	1.745.713.930.000	33,57	1.499.603.770.000
	<b><u>100,00</u></b>	<b><u>4.467.004.210.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>	<b><u>4.467.004.210.000</u></b>



*Handwritten signature*



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Đô la Mỹ (USD)	134.808.842	134.350.464
Euro (EUR)	18.952	18.952
Đô la Singapore (SGD)	-	117.762
Bảng Anh (GBP)	<u>261.256</u>	<u>2.989</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
Vốn điều lệ của công ty con (đồng)	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	21.885.800.000	3.243.384.441.420
<i>Trong đó:</i>									
Vốn phân bổ cho Tổng công ty (đồng)	339.807.000.000	102.000.000.000	285.581.000.000	208.645.000.000	218.773.000.000	204.000.000.000	597.817.104.000	15.300.000.000	1.971.923.104.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát (đồng)	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	7.585.800.000	1.272.461.337.420
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	45,31%	49,00%	48,97%	33,15%	

Lợi ích cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ (đồng)	38.512.289.418	21.881.296.425	26.843.626.732	25.640.830.614	37.531.721.679	17.287.575.157	(108.252.785.225)	10.679.098.073	70.123.652.873
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát (đồng)	5.795.425.592	10.721.835.248	1.290.194.179	10.355.598.890	17.004.403.312	8.470.911.827	(53.011.264.428)	3.539.727.786	4.166.832.406



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

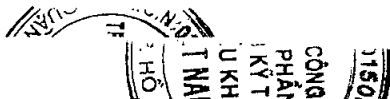
**MẪU B 09a - DN/HN**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình đầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
<b>Tổng tài sản</b>	2.599.437.009.375	480.427.779.858	931.245.089.893	533.375.540.186	628.786.474.474	662.349.684.054	2.268.915.890.587	99.265.231.245	8.203.802.699.672
<b>Tổng nợ phải trả</b>	1.860.808.788.366	254.771.902.981	984.322.523.039	142.668.307.387	172.122.026.997	233.384.326.422	1.109.955.404.625	55.370.412.320	4.813.403.692.136
<b>Tài sản thuần</b>	738.628.221.009	225.655.876.877	(53.077.433.146)	390.707.232.799	456.664.447.477	428.965.357.632	1.158.960.485.962	43.894.818.925	3.390.399.007.536
<i>Chi tiết như sau:</i>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	22.885.800.000	3.244.384.441.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(140.000.000)	-	-	(140.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	77.835.964.235	6.211.978.409	4.707.250.551	9.881.436.350	24.762.484.050	5.086.206.617	-	6.231.785.563	134.717.105.775
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	260.792.256.774	19.443.898.468	(357.784.683.697)	30.825.796.449	31.901.963.427	24.019.151.015	(12.538.155.458)	14.777.233.362	11.437.460.341
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>									
<i>Chi tiết như sau:</i>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	7.585.800.000	1.272.461.337.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(68.600.000)	-	-	(68.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	11.712.950.488	3.043.869.420	226.246.152	3.990.829.815	11.219.076.742	2.492.241.242	-	1.918.900.181	34.604.114.040
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	39.244.670.780	9.527.510.249	(17.196.324.514)	12.449.658.449	14.453.742.815	11.769.383.998	(6.139.920.308)	4.642.053.393	68.750.774.862
	<b>111.150.621.268</b>	<b>110.571.379.669</b>	<b>(2.551.078.362)</b>	<b>157.795.488.264</b>	<b>206.899.819.557</b>	<b>210.193.025.240</b>	<b>567.541.617.112</b>	<b>14.146.753.574</b>	<b>1.375.747.626.322</b>

MM





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

**Bộ phận kinh doanh**

**Hoạt động**

Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí

Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO

Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng

Cơ khí, đóng mới và xây lắp

Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển

Cung cấp các dịch vụ khác

Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí

Dịch vụ cung cấp kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô

Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ khác có liên quan

Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí

Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí

Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ căn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
<b>Tài sản</b>									
Tài sản bộ phận	3.290.270.631.523	3.897.494.317.302	3.003.287.006.088	4.569.753.746.907	9.717.542.612.789	2.923.303.123.513	232.756.792.220	(4.549.828.471.481)	23.084.579.758.861
Lãi từ công ty liên kết									1.350.746.831.805
Tài sản không phân bổ									2.915.274.607.623
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>									<b>27.350.601.198.289</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Nợ phải trả bộ phận	2.073.329.674.002	1.794.723.947.390	2.072.414.097.852	2.532.895.656.807	9.023.918.388.377	2.182.494.012.048	207.267.070.954	(4.549.828.471.481)	15.337.214.375.949
Nợ phải trả không phân bổ									1.177.306.174.393
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>									<b>16.514.520.550.342</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

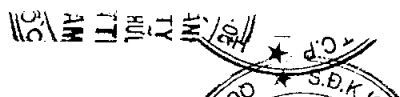
**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ càn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
<b>Tài sản</b>									
Tài sản bộ phận	2.875.338.577.599	3.826.753.352.989	3.072.589.383.475	4.309.396.063.152	9.407.284.151.333	3.288.649.360.450	419.102.812.303	(4.212.779.326.469)	22.986.334.374.832
Lãi từ công ty liên kết									1.066.200.356.047
Tài sản không phân bổ									2.385.906.122.375
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>									<b>26.438.440.853.254</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Nợ phải trả bộ phận	2.882.818.979.209	1.574.519.598.780	1.861.492.388.214	2.099.922.993.998	8.384.084.602.267	2.306.521.735.797	112.239.514.170	(4.212.779.326.469)	15.008.820.485.966
Nợ phải trả không phân bổ									642.147.249.907
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>									<b>15.650.967.735.873</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

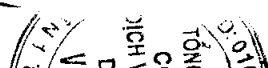
**MẪU B 09a - DN/HN**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật đầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý đầu thô FSO/FPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ càn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
<b>Doanh thu</b>									
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	2.469.532.700.976	1.601.323.133.839	1.177.641.676.730	1.062.208.361.942	4.906.225.220.219	983.315.222.059	305.410.750.401	-	12.505.657.066.166
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	69.650.636.387	237.841.395.650	129.189.579.629	146.131.355.648	558.828.047.621	1.014.786.503.399	78.357.808.906	(2.234.785.327.240)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.539.183.337.363</b>	<b>1.839.164.529.489</b>	<b>1.306.831.256.359</b>	<b>1.208.339.717.590</b>	<b>5.465.053.267.840</b>	<b>1.998.101.725.458</b>	<b>383.768.559.307</b>	<b>(2.234.785.327.240)</b>	<b>12.505.657.066.166</b>
<b>Giá vốn</b>									
Giá vốn bán ra bên ngoài	2.154.756.845.319	1.527.768.503.636	1.208.615.923.795	805.531.368.244	4.481.274.015.865	904.692.278.558	290.447.314.063	-	11.373.086.249.480
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	69.650.636.387	237.841.395.650	129.189.579.629	146.131.355.648	558.828.047.621	1.014.786.503.399	41.998.829.882	(2.198.426.348.216)	-
<b>Tổng giá vốn</b>	<b>2.224.407.481.706</b>	<b>1.765.609.899.286</b>	<b>1.337.805.503.424</b>	<b>951.662.723.892</b>	<b>5.040.102.063.486</b>	<b>1.919.478.781.957</b>	<b>332.446.143.945</b>	<b>(2.198.426.348.216)</b>	<b>11.373.086.249.480</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>									
Lợi nhuận gộp bộ phận	313.601.339.857	70.945.948.681	(35.233.691.722)	252.682.013.001	412.536.116.157	73.888.855.919	44.150.234.793	-	1.132.570.816.686
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	367.922.986.322
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	15.700.262.145
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	780.348.092.509
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	4.690.620.811
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	349.130.087.493
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	1.134.168.800.813
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	180.991.537.739
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	70.581.286.514
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>									<b>882.595.976.560</b>

7/10/15



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

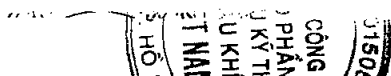
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí đầu thô	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý FSO/FPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ căn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
<b>Doanh thu</b>									
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	3.214.101.249.130	953.838.932.205	1.912.780.451.805	918.237.035.782	4.490.520.600.004	1.673.563.922.790	234.127.273.706		13.397.169.465.422
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	112.269.545.330	61.632.478.664	134.065.327.066	92.939.504.042	53.221.487.423	310.226.286.562	33.743.251.873	(798.097.880.960)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.326.370.794.460</b>	<b>1.015.471.410.869</b>	<b>2.046.845.778.871</b>	<b>1.011.176.539.824</b>	<b>4.543.742.087.427</b>	<b>1.983.790.209.352</b>	<b>267.870.525.579</b>	<b>(798.097.880.960)</b>	<b>13.397.169.465.422</b>
<b>Giá vốn</b>									
Giá vốn bán ra bên ngoài	2.920.064.822.982	890.951.521.371	1.718.462.661.648	716.564.169.688	4.303.782.010.884	1.457.626.572.938	201.963.292.036		12.209.415.051.547
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	112.269.545.330	60.902.126.550	131.447.075.755	92.939.504.042	31.615.678.730	303.422.023.535	16.569.099.572	(749.165.053.514)	-
<b>Tổng giá vốn</b>	<b>3.032.334.368.312</b>	<b>951.853.647.921</b>	<b>1.849.909.737.403</b>	<b>809.503.673.730</b>	<b>4.335.397.689.614</b>	<b>1.761.048.596.473</b>	<b>218.532.391.608</b>	<b>(749.165.053.514)</b>	<b>12.209.415.051.547</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>									
Lợi nhuận gộp bộ phận	294.036.426.148	62.887.410.834	194.317.790.157	201.672.866.094	186.738.589.120	215.937.349.852	32.163.981.670	-	1.187.754.413.875
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	347.095.723.543
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	8.214.616.704
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	848.873.307.036
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	63.791.165.107
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	217.497.635.733
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	1.130.162.107.876
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	190.965.807.259
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	55.341.727.970
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>									<b>883.854.572.647</b>

Tổng công ty chỉ hoạt động ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	1.572.516.800.524	1.564.202.927.450
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.259.875.478.311	8.901.189.339.368
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.673.264.787.331	2.931.777.198.604
	<b>12.505.657.066.166</b>	<b>13.397.169.465.422</b>

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.436.913.819.962	1.483.120.870.618
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.430.972.028.329	7.896.582.649.010
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.505.200.401.189	2.829.711.531.919
	<b>11.373.086.249.480</b>	<b>12.209.415.051.547</b>

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.568.270.009.778	2.658.176.250.978
Chi phí nhân công	1.230.666.681.026	1.125.256.189.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	484.515.972.564	486.297.779.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.186.749.265.111	8.627.384.429.503
Chi phí khác	283.222.316.109	412.168.328.583
	<b>11.753.424.244.589</b>	<b>13.309.282.977.767</b>

**32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68.390.695.858	68.137.226.193
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.987.280.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	63.719.260.084	33.201.000.050
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.719.702	46.097
	<b>135.118.955.644</b>	<b>101.338.272.340</b>

CÔNG TY  
 KỸ THUẬT  
 DẦU KHÍ  
 VIỆT NAM  
 CHỈ MINH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

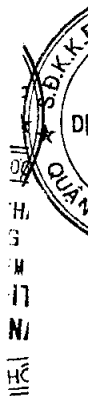
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	36.719.009.815	52.598.834.493
Lỗi chênh lệch tỷ giá	58.355.626.271	31.287.300.239
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	36.785.100	-
Dự phòng/(Hoàn nhập)các khoản đầu tư dài hạn	22.540.767.847	(2.070.039.602)
Chi phí tài chính khác	1.766.504.466	11.307.560.506
	<b>119.418.693.499</b>	<b>93.123.655.636</b>

**34. PHẦN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.731.975.878	(2.510.474.429)
Công ty Liên doanh Rông Đới MV12	(1.369.875.747)	2.914.327.218
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	78.027.667.599	61.059.360.462
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	473.582.229	2.968.402.804
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	356.961.975	382.587.233
Công ty Liên doanh PTSC SEA	141.304.887.702	126.848.555.212
Công ty Liên doanh PTSC AP	123.148.822.901	25.415.299.773
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	905.653.221	419.577.460
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	550.411.735	-
	<b>349.130.087.493</b>	<b>217.497.635.733</b>

**35. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Lương nhân viên bán hàng	4.419.693.088	7.686.056.159
Chi phí quảng cáo	1.803.954.545	5.478.143.292
Khác	35.801.960.906	35.211.157.225
	<b>42.025.608.539</b>	<b>48.375.356.676</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Lương nhân viên quản lý	82.142.268.847	93.525.354.384
Dịch vụ mua ngoài	126.344.954.474	84.902.374.691
BHXH, BHYT, KPCĐ quản lý	14.872.419.522	14.212.624.759
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	19.227.912.247	15.834.704.446
Các khoản dự phòng	19.223.595.912	10.955.281.133
Khác	64.086.226.781	79.290.027.454
	<b>325.897.377.783</b>	<b>298.720.366.867</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***36. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	473.545.455	9.606.408.818
Thu từ bồi thường	5.151.096.048	8.522.367.157
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán phế liệu	775.600.909	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	248.362.816	-
Hoàn nhập các chi phí liên quan đến dự án sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	-	29.621.687.266
Hoàn nhập các chi phí liên quan đến dự án nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	-	18.320.980.480
Các khoản thu nhập khác	10.457.024.370	5.780.364.630
	<b>17.105.629.598</b>	<b>71.851.808.351</b>

**37. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Phạt, bồi thường	182.409.209	785.978.237
Thuế nợ thêm, tiền chậm nộp sau thanh tra	7.548.142.242	-
Chi thanh lý tài sản cố định	12.454.091	1.156.205.850
Chi phí sửa chữa	-	4.039.225.619
Chi phí phúc lợi	1.217.130.182	-
Các khoản chi phí khác	3.454.873.063	2.079.233.538
	<b>12.415.008.787</b>	<b>8.060.643.244</b>

**38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.134.168.800.813	1.130.162.107.876
Các khoản điều chỉnh tăng	133.531.884.589	428.948.033.921
Các khoản điều chỉnh giảm	(379.406.044.839)	(651.699.117.553)
Thu nhập chịu thuế	888.294.640.563	907.411.024.244
Chuyển lỗ các năm trước	(26.145.479.715)	(16.639.560.177)
Thu nhập tính thuế	862.149.160.848	890.771.464.067
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.672.815.386	195.969.722.094
Miễn giảm thuế (i)	(9.314.737.583)	(5.337.798.451)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	633.459.936	342.858.628,00
Điều chỉnh thuế	-	(8.975.012)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>180.991.537.739</b>	<b>190.965.807.259</b>

Theo Thông tư số 78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

(i) Miễn giảm thuế chủ yếu thể hiện số thuế được miễn trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng công ty	878.429.144.154	799.609.360.309
Trừ: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	108.435.081.194	123.527.098.650
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	769.994.062.960	676.082.261.659
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	446.700.421	446.700.421
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.724</b>	<b>1.514</b>

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được tính toán lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để so sánh với số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ này.

**40. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	496.325.880.900	686.514.757.563

Tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	752.008.807.421	822.589.634.382
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	991.279.323.277	1.405.178.454.502
Sau năm năm	571.961.375.756	648.010.492.663
	<b>2.315.249.506.454</b>	<b>2.875.778.581.547</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ Cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang.

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ năm 2013. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002. Thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản đến năm 2021.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	2.460.364.104.572	2.579.763.694.683
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.734.779.536.288	8.199.395.568.055
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>9.460.333.021.625</u>	<u>9.351.776.094.550</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

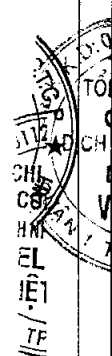
**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.734.779.536.288	8.199.395.568.055
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.301.944.737.259	7.284.336.892.809
Phải thu về cho vay	55.952.338.260	68.012.830.591
Đầu tư tài chính	64.260.972.541	131.722.126.572
Các khoản ký quỹ	33.043.997.647	115.351.650.350
<b>Tổng cộng</b>	<u>16.189.981.581.995</u>	<u>15.798.819.068.377</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	2.460.364.104.572	2.579.763.694.683
Phải trả người bán và phải trả khác	6.051.698.530.958	6.368.989.901.478
Chi phí phải trả	2.654.378.771.068	2.072.736.772.302
Dự phòng phải trả	1.544.456.069.065	1.333.163.492.945
<b>Tổng cộng</b>	<u>12.710.897.475.663</u>	<u>12.354.653.861.408</u>

Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.116.285.456.356	8.303.999.643.650	5.468.664.420.596	5.557.748.268.060
Bảng Anh (GBP)	8.921.071.937	97.858.222	3.936.435.224	1.575.903.529
Euro (EUR)	540.847.095	474.720.597	6.709.273.450	11.031.403.493
Đô la Singapore (SGD)	199.162.308	1.866.054.297	6.490.734.431	13.217.059.863

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 1% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng công ty sẽ giảm các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	26.476.210.358	19.311.685.234

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

0015  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM  
HỒ CHÍ MINH

W  
V/C

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng 49.207.282.091 đồng (cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm/tăng 62.243.258.783 đồng).

*Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư*

Tổng công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

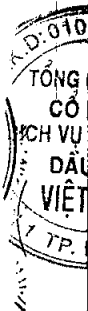
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.734.779.536.288	-	-	8.734.779.536.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.276.805.708.959	25.139.028.300	-	7.301.944.737.259
Phải thu về cho vay	27.976.168.584	27.976.169.676	-	55.952.338.260
Đầu tư tài chính	-	30.926.550.368	33.334.422.173	64.260.972.541
Các khoản ký quỹ	27.747.216.898	5.296.780.749	-	33.043.997.647
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.067.308.630.729</b>	<b>89.338.529.093</b>	<b>33.334.422.173</b>	<b>16.189.981.581.995</b>

30/6/2015				
Các khoản vay	716.779.175.368	1.653.356.319.283	90.228.609.921	2.460.364.104.572
Phải trả người bán và phải trả khác	5.830.939.609.595	220.720.921.363	38.000.000	6.051.698.530.958
Chi phí phải trả	2.654.378.771.068	-	-	2.654.378.771.068
Dự phòng phải trả	222.232.710.442	1.322.223.358.623	-	1.544.456.069.065
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.424.330.266.473</b>	<b>3.196.300.599.269</b>	<b>90.266.609.921</b>	<b>12.710.897.475.663</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.642.978.364.256</b>	<b>(3.106.962.070.176)</b>	<b>(56.932.187.748)</b>	<b>3.479.084.106.332</b>

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
12/31/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.199.395.568.055	-	-	8.199.395.568.055
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.284.336.892.809	-	-	7.284.336.892.809
Phải thu về cho vay	40.625.902.584	27.386.928.007	-	68.012.830.591
Đầu tư tài chính	-	131.722.126.572	-	131.722.126.572
Các khoản ký quỹ	112.697.706.856	2.653.943.494	-	115.351.650.350
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.637.056.070.304</b>	<b>161.762.998.073</b>	-	<b>15.798.819.068.377</b>

12/31/2014				
Các khoản vay	751.764.086.591	1.795.080.143.119	32.919.464.973	2.579.763.694.683
Phải trả người bán và phải trả khác	6.132.124.099.124	236.827.802.354	38.000.000	6.368.989.901.478
Chi phí phải trả	2.072.736.772.302	-	-	2.072.736.772.302
Dự phòng phải trả	184.676.638.955	1.148.486.853.990	-	1.333.163.492.945
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.141.301.596.972</b>	<b>3.180.394.799.463</b>	<b>32.957.464.973</b>	<b>12.354.653.861.408</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.495.754.473.332</b>	<b>(3.018.631.801.390)</b>	<b>(32.957.464.973)</b>	<b>3.444.165.206.969</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



*Handwritten signature*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN**

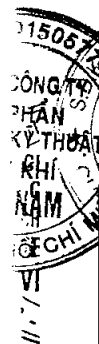
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**42. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ban quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong Tập đoàn PVN

Trong kỳ, Tổng công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 <u>VND</u>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	27.052.478.720	30.062.000.960
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	725.308.710	10.824.565.403
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	81.480.342.781	68.068.195.009
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	10.841.630.287	11.093.456.000
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	241.329.855.023	69.111.192.005
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	23.201.817.182	24.906.191.167
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.581.567.009	5.133.539.304
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	37.330.956.458	85.464.844.977
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	38.233.116.389	46.983.767.534
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	10.729.112.959	11.829.015.667
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.577.969.043	29.511.609.753
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	104.945.148.563	151.510.571.172
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	6.027.412.615	4.305.274.292
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.241.296.543.126	1.112.763.661.328



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	14.768.097.121	19.283.769.542

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty được hưởng trong kỳ như sau:**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	5.816.291.233	6.085.053.723

**Số dư với các bên liên quan:**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	442.566.518.508	442.519.421.436
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	47.468.643.459	70.647.079.041
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	40.004.032.528	3.749.097.717
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	38.636.070.944	148.086.003.194
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	29.709.188.002	30.991.247.047
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	16.605.362.547	27.894.552.013
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	10.711.408.943	54.582.444.790
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9.753.541.638	1.488.549.560
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	3.729.397.534	5.103.370.822
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.684.164.930	17.101.243.976
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.118.028.283	14.638.025.942
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	481.124.721	14.740.122.147
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.473.434.284.488	1.108.166.539.127
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	598.496.712.387	587.655.082.100
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	355.560.293.062	355.560.293.062
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	40.878.529.508	16.850.156.471
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	32.889.158.724	-
Ban quản lý dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	52.345.374.030
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	31.006.586.520	2.322.297.651



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Phải trả</b>		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	198.840.765.329	265.071.740.439
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	107.997.269.514	103.343.940.905
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	87.794.401.438	39.610.321.438
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	66.304.895.110	265.071.740.439
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	38.836.242.171	29.330.715
Tổng công ty Dầu Việt Nam	38.144.496.123	8.258.364.149
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	28.700.736.906	50.950.862.754
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	24.923.271.943	19.587.497.969
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	14.103.772.001	21.066.031.627
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	9.008.035.419	804.286.664
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biên Đông	11.932.844.400	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.587.670.439.408	1.331.640.082.386
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	50.466.725.642	174.510.601
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biên Đông	79.497.000.000	78.037.000.000
Ban quản lý dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	27.698.260.149
<b>Phải trả khác</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	391.850.247.456	382.752.004.016
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	74.849.041.678	40.518.408.320
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	553.226.496.949	718.740.168.254

**43. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định không bao gồm số tiền 162.482.201.413 đồng là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 618.919.020.966 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 566.118.663.373 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 542.441.899.873 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong kỳ và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.

**44. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Đến ngày 17 tháng 7 năm 2015, Tổng công ty đã mua thêm 1.476.950 cổ phiếu và nắm giữ 51% tổng số vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình trở thành Công ty con của Tổng công ty từ thời điểm này.

0150  
CÔNG  
PHẦN  
KỸ TH  
KHÍ  
NAM  
TỔ C

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015


**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09a - DN/HN**


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**45. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>6.871.432.859.885</b>	<b>(333.226.438.687)</b>	<b>6.538.206.421.198</b>
1. Các khoản trong đương tiền	112	3.927.569.993.108	(5.146.882.778)	3.922.423.110.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	208.600.589.533	(9.147.069.540)	199.453.519.993
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	36.515.902.584	36.515.902.584
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.719.315.800.084	95.545.219.083	1.814.861.019.167
5. Hàng tồn kho	141	903.248.770.304	(338.295.901.180)	564.952.869.124
6. Tài sản ngắn hạn khác	155	112.697.706.856	(112.697.706.856)	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>200.369.817.795</b>	<b>333.226.438.687</b>	<b>533.596.256.482</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	9.147.069.540	9.147.069.540
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	27.386.928.007	27.386.928.007
3. Phải thu dài hạn khác	216	30.000.000	24.953.314.045	24.983.314.045
4. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	338.243.865.136	338.243.865.136
5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	197.685.874.301	(63.902.830.591)	133.783.043.710
6. Tài sản dài hạn khác	268	2.653.943.494	(2.653.943.494)	-
7. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	52.036.044	52.036.044
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>7.071.802.677.680</b>	<b>-</b>	<b>7.071.802.677.680</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>4.347.540.189.036</b>	<b>-</b>	<b>4.362.493.090.237</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>4.347.540.189.036</b>	<b>(1.014.905.367.383)</b>	<b>3.332.634.821.653</b>
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.090.126.777.779	(1.029.858.268.584)	1.060.268.509.195
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.257.413.411.257	(184.676.638.955)	2.072.736.772.302
3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	14.952.901.201	14.952.901.201
4. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	184.676.638.955	184.676.638.955
5. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	1.029.858.268.584	1.029.858.268.584
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1.847.210.152.285</b>	<b>-</b>	<b>1.847.210.152.285</b>
1. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.555.192.138.475	292.018.013.810	1.847.210.152.285
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	292.018.013.810	(292.018.013.810)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>6.194.750.341.321</b>	<b>-</b>	<b>6.209.703.242.522</b>

  
Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu

  
Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



  
Phan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 19 tháng 8 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam